

GIÁ TRỊ CỦA TRIẾT HỌC

■ Bertrand Russell*, Minh Huy dịch **

Lời giới thiệu

Trong lời đề tựa cho lần xuất bản thứ nhất của tác phẩm *Phê bình lý tính thuần túy*, Kant có viết: “Lý tính con người... bị quấy rầy bởi những câu hỏi không thể chối từ, bởi chúng được đặt ra...do bản tính tự nhiên của chính lý tính, nhưng lý tính cũng không thể trả lời được bởi chúng vượt khỏi mọi quan năng của lý tính con người”. Kể từ khi con người biết suy nghĩ, chúng luôn đặt câu hỏi về những điều mà nhận thức và tri thức của chúng chưa trả lời được. Trải dài suốt lịch sử nhân loại, con người luôn cố gắng để tìm ra câu trả lời cho các vấn đề mà chúng luôn ưu tư, khắc khoải, nhưng mỗi khi tìm được câu trả lời thì lại xuất hiện câu hỏi khác thách thức khả năng và trí tuệ của loài người. Và từ nơi ấy triết học ra đời.

Với mục đích giới thiệu sơ lược về ý nghĩa của triết học trong đời sống con người, vấn đề được nhiều người quan tâm, tôi dịch chương cuối cùng *The value of philosophy* (Giá trị của triết học) trong tác phẩm *The problems of philosophy* (Những vấn đề của triết học) của tác giả Bertrand Russell (1872-1970), một nhà toán học và triết học người Anh. Ông cho rằng giá trị quan trọng của triết học là sự giải thoát tinh thần khỏi những nhu cầu thường nhật, nói cách khác là sự tự do của tư tưởng.

Đọc một cuốn sách có cảm giác như đang trò chuyện với chính tác giả vậy. Hy vọng độc giả sẽ cùng “trò chuyện” với Russell về vấn đề mà ông đặt ra trong tác phẩm của mình.

Introduction

In the preface to first edition of the book *Critique of pure reason*, Kant wrote: “Human reason has this peculiar fate that in one species of its knowledge it is burdened by questions which, as prescribed by the very nature of reason itself, it is not able to ignore, but which, as transcending all its powers, it is also not able to answer”. Since humans started thinking, they have always reflected about which their awareness and intellect cannot answer. Throughout the history of mankind, humans have struggled to find out the answer for the things that they have always thought about; however, when an answer was found, a number of another questions was raise which challenged humans’ knowledge and ability. And from there, philosophy was born.

In order to briefly introduce about the meaning of philosophy in humans’ lives, a problem which is interested by a lot of people, I translate the final chapter *The value of philosophy* of the book *Problems of philosophy* of Bertrand Russell (1872-1970), a British mathematician and philosopher. He supposed that the most important meaning of philosophy is liberate humans from their daily needs; in other word, the freedom of will.

Reading a book is like a conversation between an author and readers. I hope the readers will discuss with Russell about the problem that he talked about in his book.

* Nhà triết học người Anh (1872 - 1970)

** Dịch giả, hiện sống và làm việc tại California

Bây giờ, chúng ta đi đến phần cuối cùng của những nhận xét ngắn gọn và dang dở về các vấn đề của triết học bằng câu hỏi: giá trị của triết học là gì, và tại sao chúng ta phải học triết học. Đây là một câu hỏi rất đáng được quan tâm bởi thực tế cho thấy dưới tác động của khoa học và nhu cầu thực dụng, nhiều người có khuynh hướng nghi ngờ liệu triết học có gì khác tốt hơn việc “vạch lá tìm sâu” vô ích, hay chỉ đơn thuần là những cuộc cãi vã vô nghĩa về bản chất của những cái mà tri thức nhân loại chưa giải quyết được.

Quan điểm trên xuất phát một phần từ nhận thức sai lầm về mục đích sống, và một phần từ quan điểm sai lầm về cái Thiện mà triết học đang vươn tới. Khoa học thực nghiệm, thông qua một số phát minh, lại hữu dụng cho đại đa số mặc dù không phải ai cũng quan tâm đến; do đó, nghiên cứu nó rất cần thiết bởi những tác động lên học sinh nói riêng và đến nhân loại nói chung. Trong khi đó, triết học không mang trong mình tính thực dụng. Ngoại trừ sinh viên ban triết, những giá trị từ việc học triết mang lại, nếu có, cho những người khác chỉ là gián tiếp thông qua các tác động của nó đến cuộc sống của những ai học triết. Do vậy, nếu bất kỳ nơi nào triết học cho thấy tầm ảnh hưởng của nó, thì nơi đó nó sẽ được dành nhiều ưu ái.

Hơn nữa, nếu không muốn thất bại trong nỗ lực hiểu được giá trị của triết học thì chúng ta phải biết giải phóng chính mình khỏi những định kiến của những kẻ thực dụng. Họ, những kẻ chỉ nhận ra giá trị của nhu cầu vật chất, cho rằng con người phải cần lương thực cho cơ thể, nhưng lại không nhận ra rằng tư tưởng cũng cần được bồi bổ bằng lương thực. Nếu như tất cả nhân loại đều khỏe mạnh, nếu nạn đói và dịch bệnh đều được đẩy lui, và thậm chí trong một thế giới mà cái Thiện của tư tưởng kém quan trọng hơn sức khỏe của thể xác, thì vẫn còn rất nhiều việc phải làm để tạo ra một xã hội có giá trị. Có thể thấy, đi tìm giá trị của triết học là đặc quyền thuộc về sự Thiện của tư tưởng; và chỉ những ai hòa điệu được với nó thì mới có hy vọng thuyết phục họ rằng việc học triết học là

không vô bổ và phí phạm thời gian.

Triết học, cũng như bao ngành khoa học khác, đặt đối tượng là tri thức. Tri thức của triết học muốn đạt tới là tri thức khoa học của mọi ngành khoa học, đồng thời tìm ra kết quả từ những suy nghiệm phân biện dựa trên nền tảng của nhận thức, định kiến và niềm tin của nhân loại. Tuy vậy, chúng ta không thể yêu cầu triết học đưa ra tất cả câu trả lời cho mọi câu hỏi mà nó đặt ra. Nếu bạn hỏi một nhà toán học, một nhà khoáng vật học, một sử gia, hay bất cứ một chuyên gia nào trong lĩnh vực của họ về chân lý được tìm ra bởi khoa học của họ, thì vấn đề duy nhất là bạn có đủ thời gian và kiên nhẫn để câu trả lời hay không. Nhưng, nếu bạn hỏi một triết gia câu hỏi đó, và nếu vị triết gia đó là một con người thành thật, thì ông ta sẽ thú nhận với bạn rằng ông không thể tìm ra câu trả lời như những ngành khoa học khác. Quả vậy, câu trả lời của triết gia đó phần nào phản ánh một sự thật rằng khi tri thức của nhân loại về một vấn đề nào đó phát triển thì vấn đề đó sẽ được gọi là triết học, và tách rời khỏi khoa học. Những nghiên cứu về bầu trời ngày nay thuộc về khoa thiên văn học vốn là đề tài của triết học khi xưa (như trong tác phẩm nổi tiếng của Newton Những nguyên lý toán học của triết học tự nhiên đã đề cập). Tương tự, nghiên cứu về tư tưởng của con người vốn là một phần của triết học mà nay đã tách rời và trở thành khoa tâm lý học. Do đó, nói một cách rộng hơn, sự mờ mịt của triết học nằm ở cái ngoại tại hơn là nội tại. Những câu hỏi có câu trả lời chính xác thì thuộc về các ngành khoa học, còn những câu hỏi mà hiện nay vẫn chưa có câu trả lời thì để tạo thành những môn được gọi là triết học

Tuy nhiên, đây chỉ là một phần sự thật liên quan đến sự mờ mịt của triết học. Có rất nhiều câu hỏi, trong đó có những câu hỏi thể hiện sự ưu tư sâu sắc về đời sống tâm linh của chúng ta mà theo như chúng ta thấy vẫn còn là dấu hỏi lớn cho trí tuệ của con người trừ phi trí tuệ của nhân loại đạt được một bước tiến lớn hơn bây giờ. Liệu sự tạo dựng nên vũ trụ có nằm trong một kế hoạch hay mục đích gì không, hay

chỉ đơn thuần là sự phối hợp ngẫu nhiên giữa các nguyên tử? Liệu ý thức có phải là một phần vĩnh cửu của vũ trụ và đem lại một tia hy vọng cho sự phát triển khôn đoạn kết của trí tuệ nhân loại, hay chỉ là một sai lầm ngẫu nhiên xảy ra trên một hành tinh nhỏ bé nơi mà sự sống là tận cùng hay chẳng? Liệu cái Tốt và cái Xấu có ý nghĩa quan trọng với vũ trụ không, hay chỉ quan trọng đối với con người? Đây là những câu hỏi được đưa ra bởi những triết gia và cũng có rất nhiều câu trả lời từ những triết gia khác nhau. Nhưng tựu chung, không có câu trả lời nào là rõ ràng, chính xác. Tuy nhiên, cho dù chỉ là một tia hy vọng mong manh trong công cuộc truy tầm câu trả lời, triết học vẫn phải tiếp tục suy tư về những câu hỏi như vậy để làm cho nhân loại nhận thức được tầm quan trọng của những câu hỏi đó, và suy nghiệm về mọi thứ liên quan đến chúng, và cũng là để bảo tồn nhu cầu tư biện trong cái vụ trụ đang có xu hướng bị tiêu diệt bởi chính những tri thức rõ ràng, cụ thể của chúng ta.

Có một sự thật rằng rất nhiều triết gia đã cho rằng triết học có thể tạo ra chân lý của những câu trả lời rõ ràng cho các câu hỏi về bản thể luận. Họ cho rằng cái quan trọng nhất của đức tin có thể được chứng minh là đúng bằng các luận cứ chặt chẽ. Để đánh giá những vấn đề này, nhất thiết phải có sự khảo sát về tri thức con người, và hình thành ý kiến về phương pháp cũng như giới hạn của những luận cứ đó. Quả rất ngớ ngẩn khi nói về những thao tác này một cách giáo điều; nhưng nếu phần khảo sát của những chương trước trong cuốn sách này không làm chúng ta lạc lối, thì chúng ta bị ép buộc phải từ bỏ hy vọng tìm ra những bằng chứng triết học của đức tin. Do đó, chúng ta không thể coi triết học như là một tập hợp tất cả các câu trả lời cho những câu hỏi đại loại như vậy. Một lần nữa, xin nhắc lại, giá trị của triết học không phụ thuộc vào bất kỳ tri thức nào có thể xác định một cách chắc chắn mà con người có thể đạt được thông qua việc học triết.

Thực tế, giá trị của triết học cần phải được truy tìm trong sự mông lung bao la của chính nó.

Một người không có tư duy triết học thì sẽ sống một cuộc đời bị giam cầm trong những định kiến được rút ra từ cảm quan chung, từ niềm tin thường nghiệm của thời đại mà anh ta đang sống, hay từ nơi mà anh đang ở, hoặc từ nhận thức đã phát triển trong tư tưởng mà không có sự cọ xát với nỗi hoài nghi lý tính. Dưới con mắt của họ thì thế giới này trở nên hữu hạn, vạn vật đều là hiển nhiên; sự nhận thức khách quan không còn biết đặt câu hỏi, và những gì mới lạ đều bị phớt lờ. Nhưng điều này thật mâu thuẫn bởi ngay khi con người biết triết lý, họ nhận thấy rằng chỉ cần một điều nhỏ nhặt trong cuộc sống thường nhật thôi cũng đã đủ đã dẫn đến những câu hỏi không có câu trả lời. Mặc dù không cho chúng ta câu trả lời thỏa đáng cho những hoài nghi vẫn ngày càng dâng lên, triết học đã khai sáng cho tư tưởng của nhân loại và giải phóng họ khỏi sự hà khắc của thói quen. Do vậy, triết học vừa làm cho con người bớt đi sự chắc chắn về mọi thứ, vừa mở cánh cửa khai sáng cho tri thức giúp nó biết nhận thức về hai mặt của một vấn đề. Triết học loại bỏ đi thói kiêu ngạo giáo điều của những kẻ chưa bao giờ dấn thân vào con đường của tự do hoài nghi, và nó bảo vệ giác quan hoài nghi của con người bằng việc cho thấy những điều quen thuộc dưới những khía cạnh mới.

Ngoài những lợi ích không thể phủ nhận, triết học còn có giá trị – có lẽ là quan trọng nhất – là thông qua những suy nghiệm về sự tối thượng của các đối tượng, và sự tự do thoát khỏi những mục tiêu cá nhân nhỏ nhen, vị kỷ có được từ sự suy nghiệm này. Cuộc sống của con người bản năng chỉ là một vòng tròn khép kín với những thú vui của bản thân như gia đình, bạn bè, mà phớt lờ thế giới ngoại tại, trừ phi nó mang lại những thứ gì đó đáp ứng nhu cầu của cuộc sống khép kín. Cuộc sống như vậy khá là ngột ngạt, tù túng so với cuộc sống ung dung, tự to tự tại mà triết học mang lại. Thế giới của những thú vui trần tục chỉ là một thế giới nhỏ; nếu đặt nó thành trung tâm của cái vũ trụ rộng lớn thì chẳng mấy chốc thế giới nhỏ bé ấy sẽ bị nghiền nát. Trừ phi biết mở rộng phạm vi của nỗi đam mê,

nếu không chúng ta sẽ như một đám quân bại trận bị bủa vây trong tòa tháp nguy nga, không thể thoái lui và phải đối mặt với sự đầu hàng. Trong một cuộc sống nơi không có chỗ sự yên bình mà là những cuộc tranh chấp khốc liệt diễn ra liên tục giữa ham muốn và sự bất lực của ý chí. Do đó, nếu muốn một cuộc sống tuyệt vời và tự do thì bằng cách này hay cách khác, chúng ta phải thoát khỏi cái ngục tằm tối này và cả những xung đột đó.

Sự suy ngẫm triết học là một cách để giải thoát khỏi ngục tù tằm tối đó. Theo nghĩa rộng nhất của nó, sự suy ngẫm triết học không phân chia vũ trụ thành hai thái cực: bạn – thù, lợi – hại, tốt – xấu, mà đưa ra cái nhìn tổng thể một cách công bằng. Sự suy nghiệm triết học thuần túy không nhằm mục đích chứng minh toàn thể vũ trụ là giống với con người. Bất kỳ sự tiếp nhận tri thức nào cũng chỉ là mở rộng cái Bản Ngã, và nó chỉ hay nhất khi không bị theo đuổi trực tiếp. Sự mở rộng này chỉ đạt được kết quả tốt nhất, khi sự khát khao tri thức hoạt động một mình, bằng thái độ học tập mà không ao ước rằng đối tượng này nên có những tính chất nào đó, mà là tự làm cho Bản Ngã phù hợp với các tính chất của sự vật. Sự mở rộng Bản Ngã cũng không thể đạt được khi chúng ta cố gắng chứng tỏ thế giới này có nhiều điểm tương đồng với Bản Ngã của chúng ta, và những tri thức của nó đều là hiển nhiên đến mức ta phớt lờ những điều mới lạ. Sự khao khát chứng tỏ điều này chính là một dạng thức của sự Tự-Khẳng Định, và nó chính là một trở ngại lớn cho sự trưởng thành của Bản Ngã mà nó mong muốn, đồng thời cũng là một hòn đá ngáng đường cho sự trưởng thành của cái mà Bản Ngã biết rằng nó có thể làm được. Trong tư biện triết học, sự Tự-Khẳng Định nhìn mọi thứ trong thế giới đều là công cụ để đạt được mục đích của nó; do vậy, nó làm cho thế giới này không có gì đáng để nói so với cái Bản Ngã của chúng, và tự Bản Ngã sẽ đặt ra cái biên giới cho những điều vĩ đại của những lợi ích của chính nó. Trong khi đó, sự suy ngẫm triết học lấy cái Phi-Bản Ngã làm điểm khởi đầu và nói rộng đường biên giới của cái Bản Ngã

thông qua những điều tốt của cái Phi- Bản Ngã. Thông qua cái vô hạn của Vũ Trụ, tư tưởng nào suy nghiệm về nó đều được hưởng phần nào sự vô hạn đó.

Vì lý do này mà sự vĩ đại của linh hồn không được nuôi dưỡng bởi những thứ triết học muốn đồng hóa vũ trụ với con người. Tri thức là sự hòa hợp giữa cái Bản Ngã và Phi-Bản Ngã; và cũng như bao sự hòa hợp khác, nó sẽ bị làm suy yếu đi bởi khái niệm thống trị trong đó tồn tại những cố gắng trong việc ép vũ trụ phải tuân phục theo cái mà chúng ta tự tìm thấy trong bản thân mình. Có một xu hướng triết học khá phổ biến với quan điểm rằng Con Người là thước đo của vạn vật: sự thật này là do con người làm ra, không – thời gian và thế giới của vũ trụ đều là sản phẩm của tư tưởng, và rằng bất kỳ thứ gì không được tạo ra bởi tư tưởng thì là vô nghĩa và không đáng để bàn tới. Nếu những gì chúng ta thảo luận này giờ là đúng, thì quan điểm này không những sai mà còn cướp đi sự suy nghiệm triết học của tất cả những thứ mang lại giá trị cho nó, bởi xiềng xích mà nó trói buộc sự suy tưởng vào Bản Ngã. Cái gọi là tri thức thực ra không phải là sự hòa hợp giữa Bản Ngã và Phi-Bản Ngã, mà chỉ là một tổ hợp của những định kiến, thói quen và ham muốn; nó tạo ra một bức màn ngăn cách không thể xuyên thủng giữa ta và thế giới ngoại tại. Kẻ nào cảm thấy thích thú với mô lý thuyết này thì chỉ như “gà què ăn quần cối xay” mà không bao giờ dám bước chân ra ngoài bởi nỗi sợ hãi rằng lời của hân sẽ bị trật lết lỏi.

Sự suy nghiệm triết học chân chính thì hoàn toàn ngược lại. Nó tìm thấy sự thỏa mãn của mình trong sự mở rộng của cái Phi - Bản Ngã, và trong mọi thứ có thể làm mở rộng đối tượng được suy nghiệm và, hiển nhiên, cũng mở rộng chủ thể suy nghiệm. Trong sự suy nghiệm, mọi thứ thuộc về cá nhân, thói quen, sở thích, hay ham muốn đều bóp méo đối tượng; do đó, làm suy yếu sự hòa hợp mà trí tuệ truy tầm. Do vậy, bằng việc đặt rào chắn ngăn cách giữa khách thể và chủ thể, những thứ thuộc về cá nhân hay riêng tư đều trở thành tù nhân của trí tuệ. Trí tuệ tự do

sẽ nhìn mọi thứ như Thượng Đế có thể nhìn, không có ở đây hay bây giờ, không có hy vọng và nỗi sợ, không có những trở ngại cho niềm tin thông thường và những tiên kiến truyền thống, bình thản, điềm tĩnh, trong một ham muốn duy nhất về tri thức: Tri thức với vai trò phi cá nhân, và thuần túy suy nghiệm, và hoàn toàn khả thi cho con người có thể thu thập được. Do đó, trí tuệ tự do sẽ đánh giá giá trị của tri thức trừu tượng và phổ quát, mà trong đó những cái mà sự ngẫu nhiên của lịch sử cá nhân không thể can thiệp vào, cao hơn những tri thức được mang lại từ cảm giác, từ sự phụ thuộc vào quan điểm mang tính cá nhân và độc tôn, và một thể xác có những cơ quan cảm giác sẽ bóp méo khách thể càng nhiều càng tốt.

Một tư tưởng bắt đầu quen dần với tự do và sự vô tư của suy nghiệm triết học sẽ bảo toàn được vài thứ giống với tự do và vô tư trong thế giới của hành động và cảm xúc. Nó sẽ nhìn mục đích và nhu cầu của nó như là một phần của cái toàn thể mà không có sự cố chấp vốn là kết quả của việc tự nhìn nhận chúng như là một mảnh vô cùng nhỏ trong một thế giới mà trong đó mọi thứ đều không bị ảnh hưởng bởi những hành vi của con người. Trong sự suy nghiệm, tính vô tư là nhu cầu thuần túy về sự thật cũng giống như với tư tưởng, trong hành động, là công lý,

và trong cảm xúc chính là tình yêu phổ quát cái mà con người có thể trao cho nhau, không ngoại trừ những người được cho là cừ khôi và đáng ngưỡng mộ. Do đó sự suy nghiệm không những mở rộng đối tượng của tư tưởng mà còn mở rộng đối tượng của hành động và tầm ảnh hưởng của bản thân chúng ta; nó làm cho chúng ta trở thành những công dân của vũ trụ chứ không phải là công dân của một thành phố được dựng thành lũy trong chiến tranh và những thứ khác. Chúng ta mang bốn phận công dân của vũ trụ mà trong đó bao gồm sự tự do thật sự của con người, và giải phóng loài người khỏi ách nô lệ bởi những hy vọng và nỗi sợ hãi nhỏ nhen.

Tôi xin tóm tắt lại những gì mà chúng đã bàn luận về giá trị của triết học. Triết học không dùng cho việc nghiên cứu để truy tầm câu trả lời chính xác cho mọi câu hỏi bởi, như ta đã biết, không có câu trả lời nào được cho là chính xác, mà là để những câu hỏi tự hỏi chúng. Bởi vì những câu hỏi này mở rộng khái niệm của chúng ta về cái gì là khả thi, làm giàu cho trí tuệ, trí tưởng tượng của ta và loại bỏ những sự chắc chắn mang tính giáo điều vốn đóng kín tư tưởng của ta trước sự tư biện. Nhưng trên hết, thông qua sự vĩ đại của vũ trụ mà triết học suy ngẫm, tư tưởng con người cũng trở nên vĩ đại, và có thể hợp nhất với vũ trụ để tạo ra lợi ích cao nhất cho nó.